

BẢN CHẤT CHIẾN TRANH XÂM LƯỢC CỦA MỸ BỊ “BÓC TRẦN” TRONG CUỘC TỔNG TIẾN CÔNG VÀ NỔI DẬY TẾT MẬU THÂN NĂM 1968

Phạm Thị Phúc¹

Tóm tắt: Dưới chiêu bài “chống cộng sản”, Mỹ can thiệp ngày càng sâu vào cuộc chiến tranh Việt Nam. Từ việc viện trợ cho Pháp (1950 – 1954), Ngô Đình Diệm (1954 – 1963), rồi trực tiếp đưa quân sang tham chiến (từ 1965), Mỹ đã từng bước bị sa lầy vào cuộc chiến tranh ở Việt Nam. Theo đó, bản chất chiến tranh phi nghĩa mà Mỹ cố che giấu đã bị “bóc trần” hoàn toàn trong cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 trước toàn thể nhân dân Mỹ và thế giới.

Từ khóa: Chiến tranh Việt Nam, Phong trào phản chiến, Thuyết Domino, Chiến dịch Tết Mậu Thân 1968, Chiến tranh đơn phương, Chiến tranh đặc biệt.

1. Mở đầu

Đã 50 năm trôi qua sau ngày Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, nhưng bàn về kết quả cuộc tấn công này cho đến ngày nay vẫn còn có nhiều ý kiến trái chiều nhau. Đa phần các ý kiến đều khẳng định đây là một thắng lợi lớn có tính chất bước ngoặt trong 21 năm kháng chiến chống Mỹ. Tuy nhiên, vẫn không ít người hoài nghi về thắng lợi này bởi sự tổn thất quá lớn về nhân lực và vật lực của cuộc Tổng tiến công. Riêng với bản thân, tôi vẫn khẳng định đây là thắng lợi lớn mang tính chiến lược, bởi dù cuộc tổng tiến công và nổi dậy Xuân 1968 không đánh bại hoàn toàn quân đội Mỹ - Việt Nam Cộng Hòa (VNCH), không đánh đổ được chính quyền VNCH và ta cũng gặp tổn thất lớn nhưng tác động của nó đối với Mỹ và cuộc chiến tranh ở Việt Nam thì không hề nhỏ. Một trong những tác động mà trong phạm vi bài viết này tôi muốn đề cập đến đó chính là bản chất chiến tranh xâm lược (cuộc chiến tranh phi nghĩa) của người Mỹ bị “bóc trần” trước nhân dân Mỹ và toàn thế giới. Đây chính là nhân tố quan trọng làm bùng lên phong trào phản chiến ở Mỹ và trên toàn thế giới, buộc chính quyền tổng thống Johnson phải tuyên bố chấm dứt cuộc ném bom bắn phá miền Bắc, tuyên bố rút quân Mỹ về nước và ngồi vào bàn đàm phán với ta để đi đến kết thúc chiến tranh.

2. Nội dung

2.1. Cuộc chiến tranh “dấu mặt” của Mỹ ở Việt Nam (1950 – 1965)

Sau chiến tranh thế giới thứ II (1945), Mỹ vươn lên trở thành cường quốc số 1 thế giới về kinh tế lẫn quân sự. Theo đó, tham vọng của Mỹ muốn thống trị thế giới càng bộc lộ rõ. Tuy nhiên, Mỹ không thể áp dụng tiếp hình thức chủ nghĩa thực dân kiểu cũ là đem quân đội thôn tính các nước và đặt nền thống trị lên họ như cách mà người Anh,

1. Giảng viên khoa Kinh tế - Du lịch, trường Đại học Quảng Nam

Pháp, Hà Lan,... làm trước đó, bởi vì:

- *Thứ nhất*: Từ sau phong trào đấu tranh giành độc lập của 13 bang thuộc địa của Mỹ giành thắng lợi năm 1783. Mỹ luôn giương ngọn cờ là nước đi đầu trong phong trào đấu tranh giành độc lập và tuyên bố ủng hộ phong trào đấu tranh vì hòa bình, độc lập trên thế giới. Người Mỹ không thể làm trái những điều mà mình đã tuyên bố và cũng để giữ hình tượng “*chính nghĩa*” của nước Mỹ đối với thế giới.

- *Thứ hai*: Thời kỳ sau chiến tranh thế giới thứ II, với xu thế toàn cầu hóa được đẩy mạnh và những ràng buộc pháp lý quốc tế khiến Mỹ không thể ngang nhiên can thiệp vũ trang vào các quốc gia khác.

Tuy nhiên, với tiềm lực kinh tế, quân sự hùng hậu, Mỹ vẫn thao túng nhiều nước kém phát triển ở châu Mỹ Latinh, châu Phi, châu Á, kể cả các nước tư bản Tây Âu đang nợ nần chồng chất sau thế chiến thứ II bằng cách viện trợ kinh tế, quân sự thông qua đó khống chế về chính trị. Với cách này, Mỹ đã chính thức cho ra đời loại hình “*chủ nghĩa thực dân kiểu mới*”.

Đặc biệt, khi cuộc “*chiến tranh lạnh*” với Liên Xô bị đẩy lên đến đỉnh điểm vào những năm đầu thập niên 50 của thế kỷ XX, lo sợ trước sự vươn lên mạnh mẽ của hệ thống Xã hội chủ nghĩa do Liên Xô đứng đầu, giới cầm quyền Mỹ càng táo bạo hơn trong việc can thiệp vào các nước bên ngoài, đặc biệt tại những nơi có sự xuất hiện của nhà nước XHCN như Trung Quốc, Cu Ba, Triều Tiên, Đông Dương.

Tại Đông Dương, bắt đầu năm 1950, Mỹ chính thức can thiệp vào cuộc chiến tranh thông qua sự viện trợ kinh tế, quân sự cho Pháp với hy vọng thông qua Pháp, đánh bại chủ nghĩa cộng sản tại đây. Sự viện trợ của Mỹ, càng tăng dần trong những năm sau đó, theo thống kê: Nếu như năm 1950, Mỹ chỉ viện trợ quân sự 10 triệu đôla cho Pháp trong cuộc chiến tranh, thì đến đầu năm 1954, số lượng này đã tăng lên đến 1,1 tỉ đôla, chiếm 78% chi phí chiến tranh của Pháp ở Đông Dương. Từ 1950 đến 1954, tổng số viện trợ kinh tế và quân sự của Mỹ cho Pháp trong chiến tranh Đông Dương đã vượt quá 3,5 tỉ đôla. Tướng Henri Navarre (1898 -1983) sau này viết trong hồi ký rằng: “*Địa vị của chúng ta đã chuyển thành địa vị của một kẻ đánh thuê đơn thuần cho Mỹ*”. Tuy nhiên người Pháp vẫn thất bại, với sự thất thủ tại Điện Biên Phủ, Pháp buộc phải ký vào hiệp định Genève (21-7-1954) và rút khỏi Đông Dương.

Sự thất bại của người Pháp tại Đông Dương làm tăng thêm nỗi sợ hãi của Mỹ về sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản ở khu vực Đông Nam Á. Đặc biệt, dưới thời của tổng thống Dwight D. Eisenhower xuất hiện “*thuyết Domino*”, với thuyết này, người Mỹ tin rằng nếu để cho chủ nghĩa cộng sản phát triển ở Đông Dương, trọng tâm là miền Nam Việt Nam mà Hoa Kỳ không can thiệp sẽ để những người cộng sản “*chiếm cứ*” Nam Việt Nam thì đó sẽ là quân bài domino chìa khóa làm cho Lào, Campuchia, Thái Lan, Miến Điện “*sụp đổ vào tay cộng sản*” và sẽ tạo lợi thế lớn cho các phong trào cộng sản tại châu Á đe dọa các khu vực sống còn còn lại của “*thế giới tự do*”. Mỹ gấp

rút “*nuôi dưỡng*” một quân bài chính trị khác là Ngô Đình Diệm để thay thế khi người Pháp rút đi. Một ngày sau khi hiệp định Genève được ký kết (tức 22-7-1954), Mỹ đã đưa Ngô Đình Diệm về miền Nam cùng với sự hậu thuẫn của lực lượng CIA, xúc tiến thành lập chính quyền VNCH tiếp tục thực thi chính sách chống cộng mà Mỹ đặt ra. Thượng nghị sĩ (4 năm sau trở thành Tổng thống) John F. Kennedy tuyên bố vào ngày 01/6/1956: “*Nếu chúng ta không phải là cha mẹ của nước Việt Nam bé nhỏ (chỉ VNCH) thì chắc chắn chúng ta cũng là cha mẹ đỡ đầu của nó. Chúng ta là chủ tọa khi nó ra đời, chúng ta viện trợ để nó sống, chúng ta giúp định hình tương lai của nó (...). Đó là con đẻ của chúng ta - chúng ta không thể bỏ rơi nó, chúng ta không thể không biết tới những nhu cầu của nó*”².

Từ năm 1950 đến năm 1965, Mỹ đã viện trợ ồ ạt cho chính quyền VNCH về kinh tế, quân sự và đưa những chuyên gia kinh tế, quân sự giỏi sang miền Nam để giúp đỡ chính quyền Ngô Đình Diệm xây dựng thực lực kinh tế, huấn luyện quân đội. Chính quyền Mỹ - Ngô Đình Diệm đã lần lượt triển khai hai chiến lược chiến tranh: “*chiến tranh đơn phương*” (1954 - 1960) và “*chiến tranh đặc biệt*” (1961 - 1965). Tuy nhiên, mọi nỗ lực của người Mỹ và chính quyền VNCH đều không đem lại kết quả. Lực lượng cách mạng miền Nam đã lần lượt đánh bại từng chiến lược chiến tranh. Với phong trào Đồng khởi (1959 - 1960), chính quyền Mỹ - Ngô Đình Diệm đã thất bại hoàn toàn trong kế hoạch “*chiến tranh đơn phương*” và chiến lược toàn cầu “*trả đũa ồ ạt*” của Eisenhower cũng sụp đổ. Một vùng đất đai rộng lớn ở miền Nam đã vào tay Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam Việt Nam. Với chiến lược “*chiến tranh đặc biệt*”, chính quyền Mỹ - Ngô Đình Diệm đồng thời thất bại cả trên ba mặt trận chính trị, quân sự và bình định.

Mọi nỗ lực dựa vào lực lượng khác, cả Pháp (1950 - 1954) và Ngô Đình Diệm (1954 - 1965) của Mỹ đều không mang lại kết quả. Trong khi đó, “*chủ nghĩa cộng sản*” vẫn tồn tại và phát triển Đông Dương là thách thức đối với người Mỹ, buộc Mỹ phải chuyển từ hình thức chiến tranh “*dấu mặt*” sang hình thức chiến tranh “*lộ diện*”, trực tiếp đưa quân sang tham chiến tại Đông Dương bắt đầu từ 1965.

2.2. Chiến tranh “lộ diện” của Mỹ ở Việt Nam nhưng núp dưới danh nghĩa “chống cộng sản” (1965 – 1967)

Sau thất bại trong chiến lược “*chiến tranh đặc biệt*” (1961 - 1965), người Mỹ biết không thể dựa vào chính quyền VNCH và quân đội bản xứ để thực hiện mục tiêu của mình được nữa. Chính quyền tổng thống Johnson, quyết định mạo hiểm bằng việc trực tiếp đưa quân đội sang tham chiến tại chiến trường miền Nam. Tuy nhiên, để che đậy cho hành động xâm lược bằng quân sự này, Mỹ đã tô vẽ lên một “*chủ nghĩa cộng sản*” với đầy những tội ác và xấu xa, khiến người ta hình dung nó như một con “*ngáo ộp*”

2. Robert S.Mc.Namara (1995), *Nhìn lại quá khứ. Tâm thâm kịch và những bài học Việt Nam*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr.43-44.

hung dữ gây chết chóc tang thương, đe dọa đến hòa bình nhân loại, không khác gì chủ nghĩa phát xít trước đó. Vì vậy, kế hoạch triển khai quân sự của chính quyền Johnson nhanh chóng được quốc hội Mỹ thông qua và đa số người dân đồng tình. Theo sự thăm dò dư luận của viện Gallup, “tháng 5/1965 có 48% những người được hỏi tin tưởng chính phủ, 28% không tin, số còn lại không có ý kiến. Hạ tuần tháng 8, viện Gallup thăm dò cho thấy có 24% trong số được hỏi chống gửi quân sang Việt Nam, 60% đồng ý cho là không có gì sai trái”³. Qua đó có thể thấy, với chiêu bài “chống cộng sản” chính phủ Mỹ đã lừa lấy được lòng tin của cả Quốc hội và dân chúng Mỹ ủng hộ cho việc đưa quân lính sang tham chiến tại chiến trường Việt Nam.

Ngay cả những binh lính Mỹ trực tiếp tham chiến tại chiến trường miền Nam Việt Nam cũng được ca ngợi là những người đại diện cho nước Mỹ và thế giới lãnh sứ mệnh “chống cộng sản” bảo vệ hòa bình cho nhân loại. Vì vậy, sứ mệnh của họ là một vinh dự lớn và nếu họ hy sinh cũng là một niềm vinh quang lớn của người quân nhân.

Bắt đầu từ tháng 7-1965, quân Mỹ cùng đồng minh đã ồ ạt đổ bộ vào miền Nam Việt Nam, với đầy đủ trang thiết bị vũ khí hiện đại, tối tân nhất thời bấy giờ. Mỹ đã triển khai hàng loạt các cuộc hành quân tìm diệt và bình định vào đất thánh của “Việt cộng”. Đồng thời, chính phủ Mỹ ra sức khuếch đại sự thắng lợi của mình trên chiến trường và những thương vong nặng nề của quân đội Bắc Việt. Họ dấu nhẹm những con số thương vong và bắt những thương binh nặng của Mỹ nằm lại chiến trường, đợi chết mới đưa về nước, rồi ca ngợi như những “anh hùng thực sự”. Trong cuốn hồi ký “*Không thể chuộc lỗi*” của bác sĩ Allen Hassan, từng nhắc đến việc ông tận mắt chứng kiến cảnh hơn 200 binh lính Thủy quân lục chiến Mỹ đang bị thương rất nặng, nằm trong những lều bạt tạm nhưng không được đưa về Mỹ điều trị. Khi ông hỏi đến thì được trả lời rằng: “*Tình trạng của họ quá phân tâm. Người ta sẽ phải ngưng cuộc chiến này ngay giây phút trông thấy cận cảnh tằm thảm kịch thực tế này. Ngay khi chiếc Mecdevac hạ cánh xuống lãnh thổ Hòa Kỳ và mọi người nhìn thấy những thương binh như thế, họ sẽ bạo loạn và đòi phải chấm dứt cuộc chiến*”⁴.

Tuy nhiên, chiến tranh càng đẩy lên cao thì bản chất chiến tranh xâm lược của Mỹ càng bộc lộ rõ hơn. Ở Mỹ và một số nơi trên thế giới sau nỗi sợ hãi về “chủ nghĩa cộng sản” qua đi, giờ đây người ta bắt đầu nhìn nhận kỹ hơn về cuộc chiến tranh Việt Nam, họ nhận thấy những điều bất hợp lý, vấn đề đạo đức, những mâu thuẫn về lý luận và thực tiễn. Hàng loạt phong trào phản chiến bùng nổ ở Mỹ và nhiều nơi trên thế giới kéo dài từ 10-1965 đến cuối 1967, diễn hình như:

Vụ tự thiêu của Norman Morrison, 31 tuổi, tại Ngũ Giác Đài vào ngày 2-11-1965. Hay ngày 27-11-1965, khoảng 40.000 người chống chiến tranh tới bao vây Tòa Bạch Ốc kêu gọi chấm dứt chiến tranh, cũng trong ngày này Tổng thống Johnson cho tăng

3. Trọng Đạt (2016), Nhìn lại phong trào phản chiến trong cuộc chiến tranh Việt Nam, đăng trên <https://biennxua>

4. Allen Hassan (2007), *Không thể chuộc lỗi*, NXB Trẻ, trang 165

quân leo thang từ 120.000 người tới 400.000 người tại Việt Nam. Trong năm 1966, phong trào phản chiến dâng cao hơn, điển hình tháng 5-1966 một cuộc biểu tình lớn khoảng 10.000 người kêu gọi chấm dứt chiến tranh bên ngoài Tòa Bạch Cung, đài kỷ niệm Washington. Ngày 14-01-1967, có từ 20.000 tới 30.000 người chống chiến tranh tại Golden Gate Park San Francisco. Ngày 8-2-1967, những người Thiên Chúa giáo chống chiến tranh mở chiến dịch ăn chay vì hòa bình trên toàn quốc. Ngày 17-3-1967, một nhóm phản chiến tới Ngũ giác đài chống chính phủ can thiệp vào Việt Nam. Ngày 25-3-1967, nhà tranh đấu nhân quyền (Civil-rights leader) Luther King dẫn 5.000 người biểu tình chống chiến tranh tại Chicago. Ngày 15-4-1967, 400.000 người biểu tình phản chiến tại New York city, họ đi từ Central Park tới trụ sở Liên Hiệp Quốc, cùng ngày có 100.000 người diễn hành tại Francisco. Ngày 2-5-1967, nhà triết gia Anh Bertrand Russell chủ tọa phiên xử của tòa án Russell tại Stockholm kết án Mỹ và đồng minh phạm tội ác chiến tranh tại Việt Nam.⁵

Với những phong trào phản chiến nổ ra rầm rộ như trên, đủ thấy bản chất chiến tranh phi nghĩa của Mỹ đã dần dần bộc lộ. Theo đó, tỷ lệ ủng hộ Chính phủ đã sụt giảm đi nhiều từ 60% (10/1965), xuống còn 48% (12/1967). Đến khi cuộc Tổng tiến và nổi dậy Xuân 1968, toàn bộ bản chất chiến tranh xâm lược của Mỹ đã bị “bóc trần”.

2.3. Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 – bản chất chiến tranh xâm lược của Mỹ bị “bóc trần”

Sau những thắng lợi giành được ở Vạn Tường (18-8-1965) và hai mùa khô lần I (1965 – 1966), lần II (1966 – 1967), Bộ Chính trị, Quân ủy trung ương, Trung ương cục họp bàn và tính toán một chiến lược có ý nghĩa quyết định, tạo bước ngoặt cho chiến tranh. Theo đó nếu ta không tranh thủ thời cơ để sang năm 1968, quân Mỹ, dưới áp lực của dư luận Mỹ, buộc phải dốc toàn lực thực hiện một hành động quân sự lớn để phá vỡ thế bế tắc, cách mạng miền Nam sẽ gặp bất lợi. Đồng thời, năm 1968 cũng là năm bản lề trước cuộc bầu cử tổng thống Mỹ, mâu thuẫn chính trị sẽ bị đẩy lên cao và dư luận Mỹ đặc biệt quan tâm tới tình hình thời sự.

Trên cơ sở những tính toán kỹ lưỡng, Bộ Chính trị và Quân ủy trung ương quyết định mở chiến dịch Tết Mậu Thân năm 1968 với mục tiêu là đánh thẳng vào sào huyệt của địch ở các thành phố và thị xã – nhất là Sài Gòn, Huế, Đà Nẵng. Với cuộc tấn công này của ta, Mỹ không còn con đường nào khác là phải phát huy sức mạnh quân sự để đánh trả, điều này sẽ tạo nên sự chú ý lớn của cộng đồng Mỹ và quốc tế. Ta sẽ lợi dụng sức mạnh của quần chúng Mỹ và sự phản kháng của thế giới làm áp lực lên chính quyền tổng thống Johnson, buộc Mỹ rút quân về nước.

Ngày trong đêm giao thừa, Tết Mậu Thân 1968 (đêm 30 rạng 31 tháng 01 năm 1968), lực lượng quân sự của ta đã đồng loạt nổ súng tấn công địch trên 6 thành phố lớn, 44 thị xã và hàng trăm quận lỵ. Trước đó 10 ngày, ta đã mở chiến dịch nghi binh

5. Trọng Đạt (2016), *Nhìn lại phong trào phản chiến trong cuộc chiến tranh Việt Nam*, đăng trên <https://biennxua.com>.

ở đường 9 – Khe Sanh nhằm thu hút lực lượng địch. Mạnh nhất là cuộc tấn công vào 3 thành phố lớn ở Huế, Đà Nẵng và Sài Gòn. Tại Sài Gòn, ta tấn công vào Dinh Độc Lập, Tòa Đại Sứ Mỹ và nhiều trung tâm hành chính quan trọng khác của địch.

Cuộc tấn công bất ngờ và mạnh mẽ của ta vào các trung tâm đầu não địch ngay vào dịp Tết đã gây một tiếng vang lớn toàn thế giới, thu hút nhiều phóng viên, nhà báo nước ngoài đến viết bài, đưa tin. Tin tức về chiến sự Việt Nam được tường thuật trực tiếp trong mỗi phòng khách của người dân Mỹ và nhân dân thế giới. Những cảnh hoang tàn của các thành phố, làng mạc, cảnh chết chóc tang thương của những người dân thường vô tội, cùng với cảnh màn trời chiếu đất của những người vô gia cư ở Việt Nam đã đánh động đến lương tri của mỗi một người dân thế giới và Mỹ. Nhưng điều gây phẫn nộ hơn đối với cộng đồng quốc tế là cảnh sĩ quan Mỹ hành hình những tù phạm ngay giữa thành phố Sài Gòn, hay vụ thảm sát hàng loạt đồng bào vô tội ở Sơn Mỹ⁶ vào tháng 3 -1968,... đã làm dấy lên phong trào phản đối chiến tranh mạnh mẽ hơn bao giờ hết ngay trong lòng nước Mỹ và trên khắp thế giới.

Tại Anh, một cuộc biểu tình lớn diễn ra trước tòa Đại sứ Mỹ trở thành bạo động, 86 người bị thương, hơn 10.000 người biểu tình ôn hòa ở công trường Trafalgar nhưng bị cảnh sát ngăn chặn.

Ngày 17-4-1968, truyền thông quay cảnh bạo động chống chiến tranh Việt Nam tại Berkeley Cali, cảnh sát tiến hành đàn áp dã man. Điều này, gây phản ứng mạnh mẽ đối với nhân dân tại đây.

Ở Mỹ, sau cuộc tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân, phong trào chống đối Chính phủ lên cao dữ dội vì người dân Mỹ không còn tin vào Chính phủ. Cộng thêm số tử thương của quân đội Mỹ tăng lên quá cao là 16.592 người (gồm lính chết tại mặt trận và chết vì những lý do khác) phong trào chống Chính phủ đã trở nên quyết liệt hơn bao giờ hết, cụ thể:

Ngày 15-10-1969, có tới nửa triệu người tham gia biểu tình tại Hoa Thịnh Đốn và một cuộc biểu tình tương tự ở San Francisco do Tân ủy ban vận động chấm dứt chiến tranh Việt Nam và Ủy ban vận động sinh viên chấm dứt chiến tranh.

Sang năm 1970, tình hình còn căng thẳng hơn trước khi Mỹ yểm trợ cho VNCH tấn công Cao Miên, ngày 4-5-1970, bốn sinh viên bị bắn chết trong một cuộc biểu tình tại Đại học Kent Ohio, một tuần sau đó có 100 ngàn người biểu tình tại Washington D.C chống đối việc bắn sinh viên và đưa quân sang Miên,...

Theo thống kê, từ năm 1969 - 1970, có 1.800 cuộc chống đối biểu tình, 7.500 người bị bắt, 247 vụ đốt nhà, 462 người bị thương, trong số này có 2/3 là cảnh sát, 8 người chết.

6. Vào ngày 16/3/1968, lực lượng quân sự Mỹ do William Calley chỉ huy đã tiến vào thôn Mỹ Lai, làng Sơn Mỹ, tỉnh Quảng Ngãi giết hại 504 dân thường vô tội. Đây là vụ thảm sát gây chấn động thế giới và người ta bắt đầu truy vấn về tính vô nhân đạo của cuộc chiến tranh do Mỹ tiến hành ở Việt Nam.

Phong trào phản đối chiến tranh còn lan sang cả những thanh niên và binh lính Mỹ.

Ngay trong thời gian chiến tranh, phong trào phản chiến của thanh niên, binh lính Mỹ đã diễn ra mạnh mẽ trên khắp nước Mỹ và trong hàng ngũ quân nhân tham chiến tại miền Nam Việt Nam. Điều đáng chú ý là, trước khi cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam xảy ra, được phục vụ trong quân đội là niềm tự hào và ước mơ của nhiều thanh niên Mỹ. Khi cuộc chiến này xảy ra, nhiều thanh niên phản kháng bằng việc đốt thẻ quân dịch. Ban đầu, phong trào còn mang tính chất lẻ tẻ về sau lan ra toàn quốc. Nhiều thanh niên Mỹ từ chối sang Việt Nam với lý do: “*Mỹ đang theo đuổi cuộc chiến tranh vô đạo đức, không hợp lệ và phi nghĩa*”. Còn Đại úy, bác sĩ Howard Levy thì từ chối giảng bài vì “*họ đang được huấn luyện để sang giết những người phụ nữ và nông dân Việt Nam nghèo vô tội*”.

Tại miền Nam Việt Nam, theo báo cáo của Bộ quốc phòng Mỹ, chỉ tính riêng năm 1971, đã có 1.000 quân nhân Mỹ đã “*vắng mặt*” khi được phân công nhiệm vụ. Trong những sư đoàn có mặt tại miền Nam Việt Nam họ thành lập ra những nhóm và ủy ban “*vì hòa bình*”, mặc dù hình thức này có thể bị xử tù với thời hạn có khi hơn 10 năm⁷.

Phong trào phản đối chiến tranh ở Mỹ và thế giới nổ ra mạnh mẽ như vậy, trước hết bắt nguồn từ nhận thức cho rằng hành động xâm lược, can thiệp vào Việt Nam của đế quốc Mỹ là phi nghĩa, đối lập với nguyện vọng chính nghĩa của nhân dân Việt Nam là hòa bình, độc lập dân tộc và thống nhất đất nước. Đó là vấn đề được đem ra thảo luận trong hàng trăm cuộc, trước hàng vạn, hàng chục sinh viên, giáo sư trí thức, làm cho những người trước kia bênh vực sự can thiệp vũ trang của Mỹ phải lúng túng. Nhiều thanh niên, binh lính Mỹ gọi “*Cuộc chiến tranh ở Việt Nam là cuộc chiến của Johnson*” “*Johnson hãy đi mà đánh lấy*” chứ không phải cuộc chiến của dân tộc Mỹ, cũng chính là vì tính chất phi nghĩa ấy. Nhân dân Mỹ cũng như dư luận thế giới hiểu rằng, nhân dân Việt Nam chiến đấu không chỉ vì độc lập của mình mà còn vì độc lập tự do của các dân tộc và nền hòa bình trên thế giới.

3. Kết luận

Như vậy có thể thấy, mặc dù cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968, không đánh bại hoàn toàn quân đội Mỹ, quân đội VNCH và chính quyền VNCH nhưng đã gây ra một hiệu ứng vô cùng tích cực đối với cuộc chiến tranh Việt Nam. Với bản chất chiến tranh phi nghĩa bị “*bóc trần*”, chính quyền của tổng thống Johnson đã vấp phải sự chỉ trích và chống đối mạnh mẽ từ dân chúng Mỹ và dư luận quốc tế. Điều này đặt nhà Trắng trước sự lựa chọn vô cùng khó khăn, hoặc tiếp tục tăng quân, kéo dài chiến tranh hay rút quân Mỹ về nước, chấm dứt chiến tranh. Cuối cùng, những người đứng đầu trong chính quyền tổng thống Johnson đã đi đến quyết định là không tăng

7. Đại tá Đặng Việt Thủy (2017), *Đôi nét về phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ trong chiến tranh Việt Nam*, đăng trên giáo dục.net.vn ngày 27/4/2017.

thêm quân nữa, hạn chế chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, ngừng ném bom miền Bắc từ vĩ tuyến 20 trở ra, bắt đầu cuộc đàm phán hòa bình để đi đến kết thúc chiến tranh. Riêng bản thân tổng thống Johnson đã tuyên bố không ra tranh cử thêm một nhiệm kỳ nữa.

Với những kết quả này, có thể khẳng định cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân năm 1968 là một thắng lợi có tính chiến lược quan trọng, mở ra bước ngoặt của cuộc kháng chiến chống Mỹ 21 năm. Từ đây, buộc Mỹ phải xuống thang chiến tranh, đi đến ký kết hiệp định Paris (27-01-1973), công nhận độc lập tự do và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân Việt Nam.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Allen Hassan (2007), “Không thể chuộc lỗi”, NXB Trẻ.
- [2] Nguyễn Văn Linh, Võ Nguyên Giáp, Lê Đức Thọ (2008), “Về cuộc Tổng tiến công Tết Mậu Thân 1968”, NXB Quân đội nhân dân.
- [3] Hồ Khang (1995), “Cuộc Tổng tiến công và nổi dậy Tết Mậu Thân 1968 tại miền Nam Việt Nam,” Luận án PTSKH Lịch sử.
- [4] Robert S.Mc.Namara (1995), “Nhìn lại quá khứ. Tám thảm kịch và những bài học Việt Nam”, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
- [5] Trần Thị Ngọc Thúy (2014), “Phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ đối với cuộc chiến tranh xâm lược của Mỹ ở Việt Nam (1954 – 1975)”, Hội thảo khoa học năm 2014.
- [6] Trọng Đạt (2016), “Nhìn lại phong trào phản chiến trong cuộc chiến tranh Việt Nam”, đăng trên <https://biển.xua>.
- [7] Michael Maclear (2002), “Cuộc chiến 10.000 ngày (10 tập)”, phim tư liệu do Canada sản xuất.
- [8] Đại tá Đặng Việt Thủy (2017), “Đôi nét về phong trào phản chiến của nhân dân Mỹ trong chiến tranh Việt Nam”, đăng trên giaoduc.net.vn, ngày 27/4/2017.

Title: THE NATURE OF AMERICAN WARS EXPOSED IN THE GENERAL OFFENSIVE AND UPPRISING OF TET MAU THAN 1968

PHAM THI PHUC

Faculty of Economics – Tourism, Quang Nam University

Abstract: *Under the guise of "anti-communism", the US intervenes increasingly in the Vietnam War. From giving aid to France (1950-1954), Ngo Dinh Diem (1954 - 1963), and then directing troops to join the war (since 1965), the US gradually got bogged down in the Vietnam war. Accordingly, the meaningless war nature that America tried to conceal was completely "exposed" during the Tet Mau Than 1968 General Offensive and Uprising against all Americans and the world.*

Keywords: *Vietnam War, Anti-war movement, Domino theory, Tet Mau Than 1968 campaign, Unilateral war, Special war.*